|  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| Ngày soạn | Dạy | Ngày | 22/01-29/01/2024 | 22/01, 24/01-29/01, 31/01/2024 |
| 06/01/2024 | Tiết | 2,3;2,3 | 5, 1; 5, 1 |
| Lớp | 9A | 9C |

# Tuần 20, 21 - Tiết 39, 40, 41, 42

**KẾ HOẠCH BÀI DẠY**

**CHỦ ĐỀ LIÊN MÔN TÍCH HỢP: GIẢI BÀI TOÁN BẰNG CÁCH LẬP HỆ PHƯƠNG TRÌNH**

**A. KẾ HOẠCH CHUNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Phân phối thời gian** | **Tiến trình dạy học** | |
| **Tiết 1** | **HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG** | |
| **HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH**  **KIẾN THỨC** | **KT1: *Các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình***  **KT2: *Các ví dụ mẫu***  ***1. Dạng bài toán cấu tạo số***  ***2. Dạng bài toán chuyển động*** |
| ***3. Dạng bài toán kế hoạch, năng suất, làn chung - riêng*** |
| **Tiết 2** |
| **Tiết 3, 4** | **HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP- HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG** | |

**B. KẾ HOẠCH DẠY HỌC:**

**I. MỤC TIÊU BÀI HỌC**

**1. Kiến thức, kỹ năng:** *Sau khi học xong bài này, học sinh:*

***a. Kiến thức:***

- Biết cách giải bài toán bằng cách lập hệ PT, nắm được các bước giải bait toán bằng cách lập PT

- Hiểu được cách lập hệ PT từ yêu cầu của bài toán

- Vận dụng giải bài toán bằng cách lập hệ PT

***b. Kĩ năng:***

- Hình thành kỹ năng phân tích đề bài, lựa chọn cách đặt ẩn và tìm mối quan hệ để lập nên hệ phương trình giải một số dạng toán như về phép viết số, quan hệ số, toán chuyển động

- Rèn kĩ năng lập hệ, giải hệ PT bằng PP cộng đại số, pp thế vào giải bài toán bằng cách lập hệ PT. Có tư duy liên hệ thực tế để giải toán.

**2. Định hướng phát triển phẩm chất và năng lực học sinh**

***a) Các phẩm chất:***

- Trung thực, tự trọng, chí công vô tư

- Tự lập, tự tin, tự chủ và có tinh thần vượt khó

- Có trách nhiệm với bản thân, cộng đồng, đất nước

***b) Các năng lực chung:***

- Năng lực giao tiếp: Học sinh chủ động tham gia và trao đổi thông qua hoạt động nhóm.

- Năng lực hợp tác: Học sinh biết phối hợp, chia sẻ trong các hoạt động tập thể.

- Năng lực ngôn ngữ: Phát biểu được các bước giải bài toán .

- Năng lực tự quản lý: Học sinh nhận ra được các yếu tố tác động đến hành động của bản thân trong học tập và giao tiếp hàng ngày.

- Năng lực sử dụng thông tin và truyền thông: Học sinh sử dụng được máy tính cầm tay để tính toán.

- Năng lực tự học: Học sinh xác định đúng đắn động cơ thái độ học tập; tự đánh giá và điều chỉnh được kế hoạch học tập; tự nhận ra được sai sót và cách khắc phục sai sót.

***c) Các năng lực chuyên biệt:***

- Năng lực thu thập, chế biến thông tin toán học

- Năng lực lưu trữ thông tin toán học

- Năng lực vận dụng toán học vào giải quyết vấn đề

**II. CHUẨN BỊ**

+ Giáo viên: **-** Soạn KHBH

**-** Chuẩn bị phương tiện dạy học: Phiếu học tập.

+ Học sinh:

- Làm BTVN

- Trả lời các câu hỏi được giáo viên giao từ tiết trước.

**III. TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY VÀ HỌC**

**A. Hoạt động khởi động:**

*-* GV đặt câu hỏi, yêu cầu HS làm bài tập sau:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| ***Câu hỏi kiểm tra*** | ***HS trả lời*** | ***Điểm*** |
| Nêu các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình? | **Bước 1:** Lập phương trình  - Chọn ẩn và đặt điều kiện thích hợp cho ẩn .  - Biểu diễn các đại lượng chưa biết theo ẩn và các đại lượng đã biết .  - Lập phương trình biểu thị mối quan hệ giữa các đại lượng .  **Bước 2:** Giải phương trình.  **Bước 3:** Trả lời : Kiểm tra xem trong các nghiệm của phương trình, nghiệm nào thỏa mãn điều kiện của ẩn, nghiệm nào không, rồi kết luận . | **2**  **2**  **2**  **2**  **2**  **2** |

*-* Cá nhân HS Làm ra giấy nháp

*-* HS dưới lớp đổi bài chấm chéo theo đáp án của GV

- GV gọi HS dưới lớp báo cáo kết quả chấm chéo

- GV đánh giá cho điểm và nhận xét việc vận dụng kiến thức của HS

*\* Đặt vấn đề :*Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình và cách để giải bài toán bằng cách lập phương trình ở lớp 8 có gì khác ? Bài học hôm nay cho ta biết điều này

**B. Hoạt động hình thành kiến thức.**

| HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY | | HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ | | NỘI DUNG CẦN ĐẠT |
| --- | --- | --- | --- | --- |
| ***Hoạt động 1 : Tìm hiểu các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình*** | | | | |
| - Giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình ta làm theo mấy bước, đó là những bước nào ?  Gv chốt các bước như đối với giải bài toán bằng cách lập PT  -Yêu cầu HS đọc bài toán ở ví dụ1  - Bài toán cho biết gì ? yêu cầu tìm gì ?  - Số có hai chữ số gồm những chữ số nào ?  - Ghi tóm tắt bài toán lên bảng  **-** Hãy nhắc lại cách viết một số tự nhiên dưới dạng tổngcác lũy thừa?  - Bài toán có những đại lượng nào chưa biết ?  - Ta nên chọn hai đại lượng chưa biết đó làm ẩn số.  **-** Hãy chọn ẩn và nêu điều kiện của ẩn ?  **-**Tại sao x và y đều phải khác 0 ?  - Biểu thị số cần tìm theo x và y?  - Khi viết hai số theo thứ tự ngược lại ta được số nào ?  **-** Hãy viết đẳng thứcbiểu thị hai lần chữ số hàng đơn vị lớn hơn chữ số hàng chục 1 đơn vị ?  **-** Hãy viết đẳng thứcbiểu thị số mới bé hơn số cũ 27 đơn vị ?  chốt lại và ghi bảng lời giải tiếp theo .  - Kết hợp hai phương trình vừa tìm ta có hệ phương trình    - Hệ phương trình này đã giải ở phần kiểm tra bài cũ .  **-** Vậy số phải tìm là số nào  - Quá trình các em vừa làm chính là đã giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình .Hãy nhắc lại các bước đó .  - Treo bảng phụ nêu ví dụ 2 .  - Yêu cầu HS đọc đề và vẽ sơ đồ bài toán  TPHCM 189 km Cần Thơ  sau 1 h Xe tải Xe khách  - Khi hai xe đi ngược chiều đến nơi gặp nhau, thời gian xe khách đã đi bao lâu ? Thời gian xe tải đi bao lâu ?  - Bài toán hỏi gì ?  **-** Hãy chọn ẩn và đặt điều kiện cho ẩn ?  **-** Yêu cầu HS hoạt động nhóm trong khoảng 5 phút  *Lập phương trình biểu thị giả thiết : Mỗi giờ, xe khách đi nhanh hơn xe tải 13 km*  *Viết các biểu thức chứa ẩn biểu thị quãng đường mỗi xe đi được, tính đến khi hai xe gặp nhau. Từ đó suy ra phương trình biểu thị giả thiết quãng đường từ TP. Hồ Chí Minh đến TP. Cần Thơ dài 189 km*  + Nửa lớp làm  + Nửa lớp làm  - Yêu cầu đại diện 1 nhóm treo bảng phụ và trình bày.  - Gọi đại diện nhóm khác nhận xét  - Giải hệ hai phương trình thu được trong và rồi trả lời bài toán.  - Yêu cầu cả lớp làm , gọi HS lên bảng trình bày .  - Kiểm tra HS làm bài và nhận xét. | | - Đọc và tìm hiểu ví dụ 1 .  -Vài HS trả lời  - Chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị  - Ghi tóm tắt bài toán vào vở  **-** Ta có= 100a + 10b +c  - Bài toán có hai đại lượng chưa biết là chữ số hàng chục và chữ số hàng đơn vị .  - hs trả lời  - Vì theo giả thiết khi viết hai chữ số ấy theo thứ tự ngược lại ta vẫn được một số có hai chữ số .Chứng tỏ cả x và y đều phải khác 0 .  - Số cần tìm là : = 10x + y.  - Khi viết hai số theo thứ tự ngược lại ta được số :  = 10y + x .  - Hai lần chữ số hàng đơn vị lớn hơn chữ số hàng chục 1 đơn vi ta có : 2y – x = 1  hay – x + 2y = 1  - Số mới bé hơn số cũ 27 đơn vị : (10x + y) – (10y +x) = 27  9x – 9y = 27  x – y = 3  - HS.Khá: tự tóm tắt nêu các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình  - Đọc và tìm hiểu đề bài , vẽ sơ đồ minh họa đề vào vở .  - Khi hai xe gặp nhau, thời gian xe khách đã đi 1giờ 48 phút = giờ .Thời gian xe tải đi là 1 giờ +giờ =giờ .  - Bài toán hỏi vận tốc mỗi xe .  **-** HS.TB:Gọi vận tốc của xe tải là x (km/h ),x > 0 và vận tốc của xe khách là y(km/h )  y > 0) .  - Hoạt động nhóm trong 5 phút .   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | | Xe | S | v | t | | XT |  | x |  | | XK |  | y |  |   - Đại diện 1 nhóm treo bảng nhóm và trình bày  - Đại diện nhóm khác nhận xét .  - HS.TB lên bảng trình bày | | **\* Các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình**  ***Ví dụ 1:*** (tr 20 SGK)  Gọi chữ số hàng chục của số cần tìm là x, chữ số hàng đơn vị là y (ĐK: x, y N, 0 < x  9 và0 < x  9 ) .  Khi đó số cần tìm là :  = 10x + y .  Khi viết hai số theo thứ tự ngược lại ta được số :  = 10y + x .  Theo điều kiện đầu, ta có :  2y – x = 1 hay –x + 2y = 1  Theo điều kiện sau, ta có :  (10x + y) – (10y +x) = 27  9x – 9y = 27  x – y = 3  Từ đó ta có hệ phương trình :  (TMĐK)  Vậy số phải tìm là 74 .  ***Ví dụ 2*:** (tr 21 SGK) .  Gọi vận tốc của xe tải là x (km/h x > 0) và vận tốc của xe khách là y(km/h y > 0) .  Vì mỗi giờ xe khách đi nhanh hơn xe tải 13 km nên ta có phương trình : y – x = 13  -x +y = 13  Quãng đường xe tải đi được là x (km) .  Quãng đường xe khách đi được là y (km) .  Vì quãng đường từ TP Hồ Chí Minh đến Cần Thơ dài 189km nên ta có phương trình :  x + y = 189  Từ đó, ta có hệ phương trình :    (TMĐK)  Vậy vận tốc xe tải là 36 km/h và vận tốc xe khách là 49 km/h |
| ***Hoạt động 2: Giải bài toán làm chung làm riêng*** | | | | |
| - Treo bảng phụ đưa ví dụ 3 SGK tr 22  - Yêu cầu HS nhận dạng bài toán.  - Nhấn mạnh lại nội dung đề bài và hỏi HS: Bài toán này có những đại lượng nào?  - Cùng một khối lượng công việc, giữa thời gian hoàn thành và năng suất ( Khối lượng công việc làm trong một đơn vị thời gian) là hai đại lượng có quan hệ với nhau như thế nào?  - Treo bảng phụ đưa bảng phân tích và yêu cầu HS nêu điền vào bảng   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Thời gian HTCV  ( ngày ) | Năng suất  (cv/ngày) | | Haiđội |  |  | | Đội A |  |  | | Đội B |  |  |   - Hướng dẫn HS dựa vào bảng phân tích để trình bày lời giải bài toán  **-** Nêu cách chọn ẩn và điều kiện của ẩn ?  - Lưu ý : Thời gian làm riêng của mỗi đội để hoàn thành công việc phải nhiều hơn thời gian làm chung để hoàn thành công việc.  **-** Tìm mối quan hệ giữa các đại lượng để lập phương trình, hệ phương trình ?  **-** Nhận xét và chốt lại 2 cơ sở lý thuyết dùng để lập hai phương trình của hệ  - Yêu cầu HS cả lớp giải hệ phương trình. Gọi HS lên bảng giải hệ phương trình  - Ngoài cách giải trên còn có cách giải nào khác.?  **-** Yêu cầu HS hoạt động nhóm ?7 (tr 23 SGK) trong 5 phút  - Đưa kết quả hai nhóm lên bảng yêu cầu HS nhận xét, góp ý  - Em có nhận xét gì về cách giải này?  - Nhấn mạnh để HS ghi nhớ: khi lập phương trình dạng toán làm chung, làm riêng, không được cộng cột thời gian, được cộng cột năng suất, năng suất và thời gian của cùng một dòng là hai số nghịch đảo của nhau. Tuy nhiên khi giải dạng toán “ Làm chung – làm riêng” ta nên chọn ẩn trực tiếp sẽ cho phép ta dễ dàng hơn trong việc lập hệ phương trình, sau đó ta giải hệ phương trình bằng phương pháp đặt ẩn phụ | - Đọc và tìm hiểu đề bài .  - Ví dụ 3 là bài toán làm chung, làm riêng.  - Trong bài toán này có thời gian hoàn thành công việc(HTCV) và năng suất của hai đội và riêng từng đội.  - Cùng một khối lượng công việc, thời gian hoàn thành và năng suất là hai đại lượng tỷ lệ nghịch.  - HS.TB lên bảng điền  **-** HS.TB lên điền vào bảng trả lời miệng .  - Gọi thời gian đội A làm riêng hoàn thành công việc là x(ngày) và thời gian đội B làm riêng h.thành công việc là y (ngày) ĐK: x; y > 24  - Năng suất của đội A gấp rưỡi đội B, ta có:  = . (1)  Hai đội làm chung trong 24 ngày thì hoàn thành công việc, vậy trong một ngày hai đội làm được cv Vậy ta có :+=(2)  - HS.TBK lên bảng giải hệ phương trình ,.cả lớp cùng giải vào vở  **-** Hoạt động nhóm .  Kết quả:   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | Khối lượng công việc | Năng suất  *(cv/ngày)* | Thời gian HTCV  *(ngày)* | | Đội A | 1 | x  (x > 0) |  | | Đội B | 1 | y  (y > 0) |  | | Hai đội | 1 | x + y  (=) | 24 |   Hệ phương trình :    Vậy thời gian đội A làm riêng hoàn thành công việc là :(ngày).Thời gian đội B làm riêng hoàn thành công việc là : (ngày)  - Cách giải này chọn ẩn gián tiếp nhưng hệ phương trình lập và giải đơn giản hơn. Cần chú ý, để trả lời bài toán phải lấy số nghịch đảo của nghiệm hệ phương trình. | | **Ví dụ 3:** (tr 22 SGK)   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | Th.gian HTCV  (ngày) | Năng suất  (cv/ngày) | | Hai đội | 24 |  | | Đội A | x |  | | Đội B | y |  |   Gọi thời gian đội A làm riêng hoàn thành công việc là x (ngày) và thời gian đội B làm riêng hoàn thành công việc là y (ngày) .  ĐK : x ; y > 24  Trong 1 ngày đội A làm được (cv) ,  Trong 1 ngày đội B làm được (cv)  Năng suất của đội A gấp rưỡi đội B, ta có phương trình :  = . (1)  Hai đội làm chung trong 24 ngày thì HTCV, vậy 1 ngày hai đội làm được công việc, vậy ta có phương trình :  +  = (2)  Từ (1) và (2) ta có hệ phương trình :  (I)  Đặt a = > 0; b = > 0  (I)    (TMĐK)  Trả lời: Đội A làm riêng hoàn thành công việc trong 40 ngày, đội B làm riêng hoàn thành công việc trong 60 ngày . | |

**C. Hoạt động luyện tập**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| - Gọi HS nhắc lại các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình  Bài 28 SGK tr 22  - Treo bảng phụ nêu đề bài  - Hãy nhắc lại công thức liên hệ giữa số bị chia, số chia, thương và số dư .  - Yêu cầu HS lập hệ phương trình và gọi 1 HS lên bảng trình bày  - Gọi HS nhận xét, bổ sung bài làm của bạn  - Gọi một HS khác lên bảng giải hệ phương trình và kết luận  Bài 30 SGK tr22  - Yêu cầu HS phân tích bài toán vào bảng tóm tắt sau và lập hệ phư­ơng trình?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | S(km) | v(km/h) | t(giờ) | | Dự định |  |  |  | | Nếu xe chạy chậm |  |  |  | | Nếu xe  chạy nhanh |  |  |  |   - Hãy viêt biểu thức biểu thị quãng đường AB trong 2 trường hợp :  + Nếu xe chạy chậm ?  + Nếu xe chạy nhanh ?  - Yêu cầu HS về nhà giải hệ phương trình và trả lời | - Vài HS đứng tại chỗ trả lời  Bước 1. Lập hệ phương trình:  - Chọn các ẩn  - Biểu diễn  - Lập các phương trình.  Bước 2. Giải hệ phương trình.  Bước 3. Trả lời:  - Đọc và tìm hiểu đề bài.  - HS.TB  (Số bị chia) = (số chia)  (thương) + (số dư) .  - HS. TBK lên bảng trình bày  - Vài HS nhận xét, bổ sung bài làm của bạn  - HS.TBY lên bảng giải hệ phương trình và kết luận  - Phân tích bài toán vào bảng tóm tắt sau và lập hệ phư­ơng trình?  - HS.TBK trả lời  + Nếu xe chạy chậm thì quãng đường AB là: (1)  + Nếu xe chạy nhanh thì quãng  đường AB là: (2)  Kết hợp (1) và (2) ta có : | | Bài 28 SGK , tr 22  Gọi số lớn hơn là x và số nhỏ hơn là y (x, y  N; y > 124) .  Theo đề bài tổng của hai số bằng 1006 ta có :x + y = 1006 (1)  Số lớn chia cho số nhỏ được thương là 2 và số dư là 124 ta có : x = 2y + 124 (2)  Từ (1) và (2) ta có hệ phương trình :  (TMĐK)  Vậy số lớn là 712, số nhỏ là 294    Bài 30 SGK tr22  - Phân tích bài toán vào bảng tóm tắt sau và lập hệ phư­ơng trình?   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | S(km) | v(km/h) | t(giờ) | | Dự định | x  x > 0 |  | y  y > 0 | | Nếu xe chạy chậm | x | 35 | y+2 | | Nếu xe  chạy nhanh | x | 50 | y-1 |   (1)  (2)  Kết hợp (1) và (2) ta có :    Giải hệ phương trình ta tìm đư­ợc x = 350 ; y = 8  Vậy quãng đ­ường AB là 350 km và thời điểm xuất phát của ô tô tại A là : 12- 8 = 4 (giờ sáng) | |
| ***Bài 32 SGK tr 23***  **-** Treo bảng phụ nêu đề bài  **-** Hãy tóm tắt đề bài ? (đề bài cho gì? hỏi gì ? )  - Lưu ý HS là sau khi Vòi I chảy 1 mình trong 9 giờ thì cả hai vòi phải cùng chảy trong  nửa mới đầy bể  - Treo bảng phụ kẻ sẵn khung (3 cột, 4 dòng) , yêu cầu HS lập bảng phân tích đại lượng .  - Hãy nêu điều kiện của ẩn ?  **-** Hãy lập hệ phương trình ?  **-** Hãy nêu cách giải hệ phương trình và trả lời ?  hướng dẫn cách trình bày lời giải bài toán  - Qua tiết học hôm nay ta thấy  cách phân tích đại lượng và giải toán làm chung, làm riêng như thế nào với loại toán vòi nước chảy ?  - GV: Hãy nêu các bước giải bài toán bằng cách lập phương trình ?  - HS nhắc lại các bước giải  - GV: Khi giải bài toán làm chung - lam riêng cần phải lưu ý điều gì?  - HS trả lời | | **-** Đọc và tìm hiểu đề bài .  - HS.TB trả lời .  + Hai vòi chảy  đầy bể .  + Vòi I chảy 9h+Hai vòi chảyh đầy bể .  + Hỏi nếu chỉ mở vòi II sau bao lâu đầy bể ?  - HS đứng tại chổ trình bày kết quả phân tích điền vào bảng  - Toán làm chung, làm riêng và vòi nước chảy có cách phân tích đại lượng và giải tương tự như nhau. | | ***Bài 32 SGK tr 23* .**   |  |  |  | | --- | --- | --- | |  | T.gian chảy đầy bể | Năng suất | | Hai vòi | (h) | (bể) | | Vòi I | x(h) | (bể) | | Vòi II | y(h) | (bể) |   ĐK : x, y >      (TMĐK)  Vậy nếu ngay từ đầu chỉ mở vòi thứ hai thì sau 8 giờ đầy bể |

**D. Hoạt động vận dụng**

| HOẠT ĐỘNG CỦA THẦY | HOẠT ĐỘNG CỦA TRÒ | NỘI DUNG CẦN ĐẠT |
| --- | --- | --- |
| ***Hoạt động 1: Luyện tập*** | | |
| ***Bài 31 SGK Tr 24***  - Yêu cầu HS đọc to đề bài  - Trong bài toán này có những  đại lượng nào?  - Hãy điền vào bảng phân tích đại lượng sau , nêu điều kiện của ẩn.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | ***CGV t1*** | ***CGV t2*** | ***Diện tích*** | | BĐ |  |  |  | | Tăng |  |  |  | | Giảm |  |  |  |   - Lập hệ phương trình bài toán.  - Gọi HS đứng tại chỗ trình bày – GV ghi bảng  - Yêu cầu HS tự giải hệ  Rồi kết luận | |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | ***CGV t1*** | ***CGV t2*** | ***Diện tích*** | | BĐ | ***x*** | ***y*** | ***xy:2*** | | Tăng | ***x+3*** | ***y+3*** |  | | Giảm | ***x-2*** | ***y-4*** |  | | ***Dạng1: Toán hình học***  ***Bài tập 31/ SGK***  Gọi cạnh tam giác vuông lần lượt là x, y (cm) x>0, y> 0  -Diện tích của tam giác vuông là:.  ***-*** Nếu tăng mỗi cạnh lên 3cm thì cạnh tam giác là:x+3, y+3 diện tích tam giác là: (x+3).(y+3):2  Theo đề bài ta có phương trình:  (x+3).(y+3)-=36.2  -Nếu giảm một cạnh đi 2cm, một cạnh đi 4cm thì cạnh tam giác là:  x-2; y-4 diện tích tam giác là:  (x-2).(y-4) ta có phương trình:  - (x-2).(y-4) = 26.2  Ta có hệ pt: |
| ***Bài 34 SGK Tr 24***  - Yêu cầu HS đọc to đề bài  - Trong bài toán này có những  đại lượng nào?  - Hãy điền vào bảng phân tích đại lượng sau , nêu điều kiện của ẩn.   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | ***Số luống*** | ***Số cây 1luống*** | ***Số cây***  ***cả vườn*** | | Ban đầu |  |  |  | | Thđổi1 |  |  |  | | Thđổi 2 |  |  |  |   - Lập hệ phương trình bài toán.  - Gọi HS đứng tại chỗ trình bày – GV ghi bảng  - Yêu cầu HS về nhà giải hệ và trả lời | - Vài HS đọc to đề bài.  - Trong bài toán này có các đại lượng là :Số luống, số cây trồng  1 luống và số cây cả vườn  - HS. TB lên bảng điền , cả lớp điền vào bảng của mình  - HS.TBK đứng tại chỗ trình bày | ***Dạng 2: Loại toán tăng giảm, thêm , bớt***  ***Bài 34 SGK Tr 24***   |  |  |  |  | | --- | --- | --- | --- | |  | ***Số luống*** | ***Số cây 1 luống*** | ***Số cây***  ***cả vườn*** | | Ban đầu | x | y | xy (cây) | | Thđổi 1 | x+8 | y-3 | (x+8)(y-3) | | Thđổi 2 | x-4 | y+2 | (x-4)(y-2) |   Goïi x laø soá luoáng rau trong vöôøn; y laø soá caây rau moãi luoáng. Ñieàu kieän x, y nguyeân döông.  Ta coù heä phöông trình:      Vaäy soá luống rau caûi baép troàng trong vöôøn luùc ñaàu laø: 750 caây. |
| - Yeâu caàu hoïc sinh ñoïc ñeà baøi.  - Haõy neâu bieåu thöùc bieåu dieãn löôïng nöôùc chaûy trong moät giôø cuûa töøng voøi nöôùc?  - Haõy neâu bieåu thöùc bieåu dieãn löôïng nöôùc chaûy trong 10 phuùt (giôø) voøi thöù nhaát?  - Haõy neâu bieåu thöùc bieåu dieãn löôïng nöôùc chaûy trong 12 phuùt (giôø) voøi thöù hai?  - Yeâu caàu hoïc sinh tieán haønh thaûo luaän nhoùm.  - GV chốt PP | - Hoïc sinh tieán haønh thaûo luaän nhoùm, sau ñoù cöû ñaïi dieän traû lôøi. | ***Dạng 3: Toán làm chung – làm riêng.***  ***Bài 38 SGK tr 24***  Goïi thôøi gian chæ môû voøi thöù nhaát chaûy ñaày beå laø x (giôø); thôøi gian chæ môû voøi thöù hai chaûy ñaày beå laø y (giôø). Ñieàu kieän x>0; y>0.  Trong 1 giôø voøi thöù nhaát chaûy ñöôïc: (beå); voøi thöù hai chaûy ñöôïc: (beå).  Trong 10 phuùt (giôø) voøi thöù nhaát chaûy ñöôïc: (beå).  Trong 12 phuùt (giôø) voøi thöù hai chaûy ñöôïc: (beå).  1giôø 20phuùt = ta có hpt:    Sau khi thöû laïi ta thaáy keát quaû thoûa maõn yeâu caàu cuûa baøi toaùn.  Vaäy: Voøi thöù chaûy ñaày beå trong 2 giôø; Voøi thöù hai chaûy ñaày beå trong 3 giôø. |
| - G: Cho H làm bài 37  - G: Trong bài toán có những đối tượng nào? Có những đại lượng nào liên quan?  \* Qua bài học các em cần nắm vững những kiến thức nào? | - H: Đọc đề bài, tóm tắt bài toán  - H: 1 H lên bảng giải bài toán. | ***Dạng 4: Toán chuyển động***  Bài 37/24(SGK):  Gọi vận tốc của vật cđộng nhanh là x (cm/ s) và vtốc của vật cđộng chậm là y (cm/ s) (x > y > 0)  Chu vi đường tròn là 20π (cm)  Sau 20s vật chuyển động nhanh đi được 20x (cm) và vật cđộng chậm đi được là 20y (cm)  Vì khi cđ cùng chiều sau 20s hai vật gặp nhau nên ta có pt: 20x - 20y = 20π ⇔ x - y = π (1)  Vì khi cđ ngược chiều sau 4s hai vật gặp nhau nên ta có pt: 4x + 4y = 20π ⇔ x + y = 5π (2)  Từ (1) và (2) ta có hệ pt:  (TMĐK)  Vậy vận tốc của hai vật là 3π cm/s và 2π cm/s. |

**E. Hoạt động tìm tòi mở rộng**

*\* Hướng dẫn tìm tòi ở nhà:*

***- Học bài:***

+ Về nhà học bài nắm chắc các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình

+ Xem lại các ví dụ, dạng toán đã giải tại lớp

+ Về nhà học bài theo hướng dẫn trên. Tự trình bày để hoàn chỉnh lời giải bài 32 SGK

***- Ra bài tập về nhà***:

+ Tiết 1: Về nhà làm các bài 29;30 tr 22 SGK. Bài 35; 36 ; 37 tr 9 SBT

+ Tiết 2: Làm các bài tập 31;33;34 (tr 23,24 SGK)

+ Tiết 3, 4: Làm các bài tập 36, 37, 38, 39 tr 24, 25 SGK ;

***- Chuẩn bị bài mới:*** + Ôn tập các bước giải bài toán bằng cách lập hệ phương trình

+ Vẽ bản đồ tư duy tổng kết kiến thưc chương

+ Chuẩn bị tiết sau ôn tập chương

**IV. PHỤ LỤC**